

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án gói thầu

- Chủ đầu tư: Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch – Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Tên kế hoạch mua sắm: Kế hoạch SXKD năm 2026;
- Tên gói thầu: Gói thầu số 10 (MS01/2026-NĐQT): Cung cấp dầu mỡ phục vụ vận hành và bảo dưỡng các thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch năm 2026 (đợt 1);
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Địa điểm cung cấp: Kho Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch – Thôn Vĩnh Sơn – xã Phú Trạch – tỉnh Quảng Trị;
- Thời gian thực hiện gói thầu: 9 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Bảng thông tin về hàng hóa thuộc gói thầu Chủ đầu tư đã, đang sử dụng:

Bảng 01

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông tin về mã hiệu/Nhà sản xuất theo thiết kế/đang sử dụng
(1)	(2)	(3)
1	Mỡ bôi trơn	- Mã hiệu: Gadus S2 V100-3 - Độ cứng NLGI: 3 - Quy cách tham khảo: 18kg/thùng - Nhà sản xuất: Shell
2	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: L-CKD 150 - Cấp độ nhớt ISO VG 150 - Quy cách tham khảo: 200 lít/phuy - Nhà sản xuất: Sinopec
3	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Omala S2 GX220 - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell

4	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Omala S2 GX 320 - Cấp độ nhớt ISO VG 320 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell
5	Mỡ	- Mỡ mobil unirex N2 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 18kg/xô - Nhà sản xuất: Shell
6	Mỡ bôi trơn	- Mã hiệu: SKF LGMT 2 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 180kg/phuy - Nhà sản xuất: SKF
7	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: CASTROL CRB VECTON 15W-40 CI4/E7 - Quy cách tham khảo: 18 lít/xô - Nhà sản xuất: Castrol
8	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Tellus S2 MX68 - Cấp độ nhớt ISO VG 68 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell
9	Mỡ 2# lithium based grease	- Mỡ bôi trơn gốc Lithium đa năng Great Wall Shangbo số 2 - Tiêu chuẩn thực hiện: GB/T 7324-2010 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 17kg/xô - Nhà sản xuất: Sinopec
10	Dầu công nghiệp	- Mã hiệu: Omala S2 GX220 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Nhà sản xuất: Shell
11	Dầu công nghiệp	- Mã hiệu: Omala S2 GX320 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Cấp độ nhớt ISO VG 320 - Nhà sản xuất: Shell
12	Lithium N° 3 based	Mobilgrease UNIREX™ N 3

		- Mã hiệu: 152926 - Lớp NLGI: 3 - Quy cách tham khảo: 18kg/thùng - Nhà sản xuất: Mobil
13	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: L-CKD 220 HEAVY DUTY INDUSTRIAL GEAR OIL - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Quy cách tham khảo: 18lít/thùng - Nhà sản xuất: Sinopec
14	Dầu thủy lực	- Mã hiệu: Hydraulic Oil L-HV 32 - Cấp độ nhớt ISO VG 32 - Quy cách tham khảo: 18lít/thùng - Nhà sản xuất: Sinopec

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Đối với hàng hóa chào thầu là hàng hóa nhập khẩu: Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ bản gốc hoặc bản sao y công chứng giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO), chứng chỉ chất lượng hàng hóa (CQ hoặc COA) và bản chụp Tờ khai hải quan điện tử.

- Đối với hàng hoá chào thầu là hàng hoá sản xuất trong nước: Nhà thầu phải cung cấp bản gốc hoặc bản sao y công chứng: Chứng chỉ chất lượng sản phẩm hàng hóa (CQ hoặc COA) hoặc các giấy tờ khác tương đương (giấy chứng nhận xuất xưởng).

- Hàng hóa giao tại kho Bên mua phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo đúng quy cách, tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng hóa phải có hạn sử dụng còn lại tối thiểu bằng 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất tại thời điểm giao hàng.

- Hàng hóa do nhà thầu chào phải bảo đảm phù hợp, tương thích với các thiết bị và các loại dầu, mỡ bôi trơn hiện đang sử dụng tại Nhà máy; không làm ảnh hưởng đến các đặc tính vận hành của thiết bị như: công suất, hiệu suất, độ tin cậy và tuổi thọ thiết bị; đồng thời không trực tiếp hoặc gián tiếp gây hư hỏng đối với các bộ phận, chi tiết khác của thiết bị và phải bảo đảm khả năng tương thích khi bổ sung hoặc thay thế với các loại dầu, mỡ bôi trơn hiện đang sử dụng.

- Hỗ trợ chủ đầu tư dịch vụ kỹ thuật (bao gồm cử cán bộ kỹ thuật), khi có yêu cầu nhưng không phát sinh chi phí.

- Do Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch hiện đang trong giai đoạn chạy thử, chuẩn bị bàn giao, phạm vi và trách nhiệm bảo hành là của Nhà thầu EPC (là Nhà thầu thiết kế, cung cấp, xây dựng NMNĐ Quảng Trạch I). Để đảm bảo không ảnh hưởng đến trách nhiệm bảo hành của các bên liên quan và hạn chế các tranh chấp giữa Chủ đầu tư dự án NMNĐ Quảng Trạch I (Tập đoàn Điện lực Việt Nam) và Nhà thầu EPC do các phát sinh liên quan đến việc sử dụng vật tư thay thế (do NMNĐ Quảng Trạch sử dụng), Nhà thầu được yêu cầu chào và cung cấp đúng chủng loại dầu, mỡ bôi trơn theo mã hiệu/Nhà sản xuất mà Chủ đầu tư đang sử dụng được nêu tại Mục 1.1 Chương V.

- Trường hợp chào hàng hóa tương đương, Nhà thầu phải có văn bản xác nhận/cam kết của người Đại diện pháp luật của Nhà thầu và của Hãng sản xuất vật tư về việc sử dụng vật tư thay thế không làm ảnh hưởng đến chế độ vận hành và bảo trì của thiết bị. Đồng thời cam kết chịu trách nhiệm đối các phát sinh về chi phí, thiết bị và bảo hành thiết bị công trình NMNĐ Quảng Trạch do việc sử dụng vật tư không tương thích với chủng loại mà NMNĐ Quảng Trạch đang sử dụng được nêu tại Mục 1.1 Chương V.

b) Yêu cầu về kỹ thuật chi tiết

b1. Thông số kỹ thuật

- Hàng hóa do nhà thầu cung cấp phải đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại Bảng 02 mục c) Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hoá.

- Hàng hóa cung cấp cho gói thầu phải có ký mã hiệu, nhãn mác và thông tin kỹ thuật rõ ràng theo quy định của Nhà sản xuất.

b2. Nhà sản xuất và xuất xứ hàng hóa

Nhà thầu phải chào hàng hóa có Nhà sản xuất và xuất xứ rõ ràng trong E-HSDT bao gồm tên đầy đủ Nhà sản xuất, quốc gia hoặc vùng lãnh thổ sản xuất/chế tạo ra hàng hóa đó. Nhà sản xuất được quy định tại ghi chú (1) của Bảng số 01 và Bảng số 02 Mục 2 Chương III của E-HSMT.

b3. Tài liệu kỹ thuật

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật theo E-HSDT để chứng minh hàng hóa chào có thông số kỹ thuật và chất lượng đáp ứng hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT, cụ thể như sau:

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa trong E-HSDT đúng thông tin về mã hiệu/model/Part number của nhà sản xuất như mô tả tại Bảng 01 – Chương V, nhà thầu không phải lập bảng so sánh tương đương, tuy nhiên phải cung cấp tài liệu kỹ thuật cơ bản của sản phẩm (catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất) để phục vụ công tác đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu trúng thầu, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật hoặc xác nhận của nhà sản xuất của hàng hóa trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa cùng nhà sản xuất nhưng khác ký mã hiệu/model so với mô tả tại Bảng 01 – Chương V, nhà thầu phải cung cấp tài liệu công bố của nhà sản xuất về sự thay đổi đó và chứng minh hàng hóa chào có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn so với yêu cầu của E-HSMT.

- Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh tính tương đương của hàng hóa chào so với hàng hóa mà Chủ đầu tư đang sử dụng, đồng thời đáp ứng các yêu cầu quy định tại Bảng 02 – Chương V.

b4. Đối với hàng hóa nhà thầu chào tương đương

- Nhà thầu được phép chào hàng hóa tương đương đối với các hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu, trường hợp hàng hóa nhà thầu chào của nhà sản xuất khác với nhà sản xuất được đánh dấu (X) tại cột (4) Bảng 02 - Chương V, Nhà thầu phải chứng minh sự tương đương hoặc tốt hơn giữa hàng hóa nhà thầu chào với hàng hóa thuộc phạm vi gói thầu, cụ thể:

(i) Lập bảng so sánh chi tiết tính tương đương hoặc tốt hơn với hàng hoá của Chủ đầu tư đang sử dụng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- So sánh các thông số, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất;

- Cung cấp tài liệu kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu chào để chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật so với hàng hóa của E-HSMT (có xác nhận của Nhà sản xuất, trong đó phải có thông tin của nhà sản xuất để phục vụ đối chiếu khi cần thiết, bao gồm: email, địa chỉ, số điện thoại, fax, họ tên và chức vụ của người liên hệ);

(ii) Yêu cầu về khả năng tương thích khi sử dụng:

- Các loại dầu, mỡ thuộc gói thầu được mua để thay thế hoặc bổ sung cho các loại dầu, mỡ hiện đang sử dụng cho các thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch. Do vậy, Nhà thầu phải cam kết dầu, mỡ mà Nhà thầu chào tương đương khi bổ sung vào các máy móc, thiết bị của Nhà máy đang sử dụng dầu, mỡ hiện tại không làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của máy móc, thiết bị đó.

- Trong trường hợp dầu, mỡ tương đương của nhà thầu chào khi chậm bổ sung làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của các máy móc, thiết bị đó thì Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm, và sẽ phải chịu toàn bộ chi phí thiệt hại gây ra.

(iii) Trách nhiệm của nhà thầu:

- Nhà thầu phải cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi về chất lượng hàng hoá mà nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị, hệ thống của chủ đầu tư.

c) Yêu cầu về thông số kỹ thuật của hàng hóa

Hàng hóa do nhà thầu chào phải đáp ứng thông số kỹ thuật theo yêu cầu tại bảng dưới đây:

Bảng 02

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Hàng hoá yêu cầu chứng minh tương đương
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Mỡ bôi trơn	- Mã hiệu: Gadus S2 V100-3 - Độ cứng NLGI: 3 - Quy cách tham khảo: 18kg/thùng - Nhà sản xuất: Shell	X
2	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: L-CKD 150 - Cấp độ nhớt ISO VG 150 - Quy cách tham khảo: 200 lít/phuy - Nhà sản xuất: Sinopec	X
3	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Omala S2 GX220 - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell	X
4	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Omala S2 GX 320 - Cấp độ nhớt ISO VG 320 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell	X

5	Mỡ	Mỡ mobil unirex N2 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 18kg/xô - Nhà sản xuất: Shell	X
6	Mỡ bôi trơn	- Mã hiệu: SKF LGMT 2 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 180kg/phuy - Nhà sản xuất: SKF	X
7	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: CASTROL CRB VECTON 15W-40 CI4/E7 - Quy cách tham khảo: 18 lít/xô - Nhà sản xuất: Castrol	X
8	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: Tellus S2 MX68 - Cấp độ nhớt ISO VG 68 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Nhà sản xuất: Shell	X
9	Mỡ 2# lithium based grease	- Mỡ bôi trơn gốc Lithium đa năng Great Wall Shangbo số 2 - Tiêu chuẩn thực hiện: GB/T 7324-2010 - Lớp NLGI: 2 - Quy cách tham khảo: 17kg/xô - Nhà sản xuất: Sinopec	X
10	Dầu công nghiệp	- Mã hiệu: Omala S2 GX220 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Nhà sản xuất: Shell	X
11	Dầu công nghiệp	- Mã hiệu: Omala S2 GX320 - Quy cách tham khảo: 209 lít/phuy - Cấp độ nhớt ISO VG 320 - Nhà sản xuất: Shell	X
12	Lithium N° 3 based	Mobilgrease UNIREX™ N 3 - Mã hiệu: 152926 - Lớp NLGI: 3 - Quy cách tham khảo: 18kg/thùng - Nhà sản xuất: Mobil	X

13	Dầu bôi trơn	- Mã hiệu: L-CKD 220 HEAVY DUTY INDUSTRIAL GEAR OIL - Cấp độ nhớt ISO VG 220 - Quy cách tham khảo: 18lít/thùng - Nhà sản xuất: Sinopec	X
14	Dầu thủy lực	- Mã hiệu: Hydraulic Oil L-HV 32 - Cấp độ nhớt ISO VG 32 - Quy cách tham khảo: 18lít/thùng - Nhà sản xuất: Sinopec	X

Ghi chú:

+ Trong trường hợp chủng loại hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT không còn sản xuất mà được thay thế bằng hàng hóa tương đương thì Nhà thầu cung cấp văn bản xác nhận của hãng sản xuất về việc thay đổi chủng loại hàng hóa này để chứng minh hàng hóa nhà thầu chào phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.

+ Hàng hóa do nhà thầu chào phải bảo đảm tương thích và có khả năng trộn lẫn (mix compatibility) với các loại dầu/mỡ hiện đang sử dụng khi châm bổ sung tại các thiết bị của Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch, đồng thời không làm ảnh hưởng đến quá trình vận hành của thiết bị.

+ Nhà thầu được phép khảo sát thực tế tại Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch để đánh giá, cập nhật bổ sung thêm thông số kỹ thuật cũng như các thiết bị đang sử dụng các loại dầu mỡ của gói thầu để chào thầu phù hợp với yêu cầu của E-HSMT, đảm bảo các hàng hóa Nhà thầu chào phù hợp, tương thích với dầu/mỡ đang sử dụng cho máy móc, thiết bị thực tế tại Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch.

1.3. Các yêu cầu khác

a) Tiến độ cung cấp hàng hóa:

- Thời gian giao hàng: trong vòng 260 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực theo yêu cầu tại Mẫu số 01A Chương IV của E-HSMT.

- Tiến độ cấp hàng từng đợt, cụ thể như sau:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Đợt giao hàng	Khối lượng	Đơn vị	Thời gian giao hàng
1	Mỡ bôi trơn	Đợt 1	18	Kg	15/05/2026
2	Dầu bôi trơn	Đợt 1	400	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	400	Lít	15/07/2026
		Đợt 3	400	Lít	06/9/2026
3	Dầu bôi trơn	Đợt 1	2.717	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	1.463	Lít	15/07/2026
		Đợt 3	1.463	Lít	06/9/2026
4	Dầu bôi trơn	Đợt 1	836	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	627	Lít	15/07/2026
		Đợt 3	627	Lít	06/9/2026
5	Mỡ	Đợt 1	18	Kg	15/05/2026
6	Mỡ bôi trơn	Đợt 1	360	Kg	15/05/2026
		Đợt 2	360	Kg	15/07/2026

		Đợt 3	180	Kg	06/9/2026
7	Dầu bôi trơn	Đợt 1	36	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	18	Lít	15/07/2026
8	Dầu bôi trơn	Đợt 1	5.434	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	5.434	Lít	15/07/2026
9	Mỡ 2# lithium based grease	Đợt 1	3.240	Kg	15/05/2026
		Đợt 2	3.055	Kg	15/07/2026
		Đợt 3	3.055	Kg	06/9/2026
10	Dầu công nghiệp	Đợt 1	209	Lít	15/05/2026
11	Dầu công nghiệp	Đợt 1	209	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	209	Lít	15/07/2026
		Đợt 3	209	Lít	06/9/2026
12	Lithium N° 3 based	Đợt 1	18	Kg	15/05/2026
13	Dầu bôi trơn	Đợt 1	18	Lít	15/05/2026
14	Dầu thủy lực	Đợt 1	108	Lít	15/05/2026
		Đợt 2	72	Lít	15/07/2026
		Đợt 3	72	Lít	06/9/2026

- Đối với các đợt giao hàng theo yêu cầu của Chủ đầu tư, nếu Nhà thầu không cung cấp đủ số lượng hoặc trễ tiến độ so với yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến vận hành của thiết bị thì nhà thầu phải chịu phạt vi phạm hợp đồng theo quy định hợp đồng theo quy định tại E-ĐKC 22. Đồng thời Chủ đầu tư có quyền mua sắm số lượng còn thiếu thông qua đơn vị cung cấp khác bằng bất kỳ hình thức nào, giá trị mua sắm này sẽ được Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản và sẽ được khấu trừ vào giá trị thanh toán hợp đồng.

b) Yêu cầu về bảo hành hàng hóa

Tất cả hàng hóa được bảo hành theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất và hàng hóa phải có hạn sử dụng còn lại tối thiểu bằng 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất tại thời điểm giao hàng đến ngày hạn sử dụng trên bao bì của hàng hóa.

Mục 2. Bản vẽ: Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Khi giao nhận hàng hóa phải tổ chức kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa theo yêu cầu của Hợp đồng đã ký. Trong trường hợp kiểm tra hàng hóa không đạt về kỹ thuật, chất lượng bên A sẽ không chấp nhận và trả về cho bên Nhà thầu (bên B) ngay tại địa điểm giao hàng, cụ thể như sau:

Tổ chức nghiệm thu hàng hóa:

- Hàng hóa được kiểm tra tại địa điểm giao nhận. Bên mua thực hiện kiểm tra về số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tình trạng bao bì và tình trạng hàng hóa theo quy định của Nhà sản xuất. Nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra trong hợp đồng thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

- Kiểm tra đầy đủ bản gốc hoặc bản sao y công chứng chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) theo quy định, chứng nhận phân tích (COA) hoặc các giấy tờ khác tương đương, Bản chụp Tờ khai Hải quan điện tử (đối với hàng hoá nhập khẩu). Trường hợp nhà thầu cung cấp bản sao y công chứng (trừ Tờ khai hải quan), Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết và chịu trách nhiệm pháp lý về tính trung thực của các loại giấy tờ này;

- Kiểm tra tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng và các tài liệu liên quan;

- Trong quá trình nghiệm thu Chủ đầu tư có quyền lấy mẫu kiểm tra chất lượng lô hàng ở bất kỳ kiện hàng hóa nào, nếu kết quả kiểm tra kiện hàng hóa này không đạt so với chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất, thì chủ đầu tư có quyền tạm ngừng tiếp nhận đối với lô hàng này đồng thời tiến hành lập biên bản, lấy mẫu để

thực hiện việc kiểm nghiệm, đối chứng bởi đơn vị kiểm nghiệm độc lập có đủ tư cách pháp nhân. Công tác lấy mẫu sẽ được các bên chứng kiến, ký xác nhận và niêm phong mẫu. Kết quả kiểm nghiệm của đơn vị kiểm nghiệm độc lập là căn cứ để nghiệm thu chất lượng lô hàng. Chi phí thuê kiểm nghiệm chất lượng lô hàng này do bên B chịu;

- Trong trường hợp kết quả kiểm tra chất lượng lô hàng không đáp ứng chứng nhận chất lượng của Nhà sản xuất, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận và trả lại toàn bộ lô hàng không đạt cho Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm do các chi phí phát sinh có liên quan, đồng thời Nhà thầu phải chịu trách nhiệm thu hồi toàn bộ lượng hàng đã giao của lô hàng không đạt chất lượng;

- Hàng hóa giao tại kho Bên mua phải là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai nguyên kiện, được đóng gói và bảo quản theo đúng quy cách, tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Hàng hóa phải có hạn sử dụng còn lại tối thiểu bằng 2/3 thời hạn sử dụng kể từ ngày sản xuất tại thời điểm giao hàng;

- Trong trường hợp chất lượng hàng hoá mà nhà thầu cung cấp không đáp ứng yêu cầu quy định hợp đồng và chủ đầu tư từ chối nhận, nhà thầu có trách nhiệm ngay lập tức cung cấp hàng hoá thay thế. Nếu trong vòng 07 ngày mà nhà thầu chưa cung cấp thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.